TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST
Ngày: 09/8/2022
V/v: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai.
2. Bà Võ Thị Điệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-DS ngày 25/02/2022 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/QĐXXST-DS ngày 21/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-DS ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tuấn Ú, sinh năm 1985;
Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1985;
Cùng địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1973;
Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1975;
Cùng địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2021 của nguyên đơn ông Trần Tuấn Ú, bà Đặng Ngọc H và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Tuấn Ú trình bày như sau:

Ngày 25/3/2020, ông Ú, bà H có cho ông T1 và bà T vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, ông

T1, bà T đã trả được 37.400.000đồng tiền vốn và có trả lãi đến ngày 25/9/2021 thì không còn trả lãi nữa. Ông T1, bà T còn nợ lại 362.600.000đồng tiền vốn.

Đến ngày 20/10/2021, Ủy ban nhân dân xã P có giải quyết vụ việc, ông T1 cam kết hàng tháng từ ngày 20/11/2021 sẽ trả cho vợ chồng ông Ú 40.000.000đồng và tiền lãi tính theo từng tháng tương ứng với số tiền nợ. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông T1 không thực hiện như cam kết.

Theo đơn khởi kiện ông Ú, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các vấn đề sau: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T1 phải trả cho vợ chồng ông Ú số tiền gốc là 362.600.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 25/9/2021.

Tại phiên tòa, ông Trần Tuấn Ú yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T liên đới trả cho ông Ú, bà H số tiền vay gốc là 362.600.000 đồng và tiền lãi theo mức thỏa thuận 1,5%/tháng, tính từ ngày 20/11/2021 đến 09/8/2022 tính tròn 08 tháng, với số tiền: 362.600.000đ x 8 x 1,5% = 43.512.000đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 406.112.000đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu, một trăm mười hai ngàn đồng). Ông Ú xác định trong biên nhận gốc có ghi tên con Nguyễn Thị Ái N cũng có trách nhiệm trả tiền, tuy nhiên số tiền vay chỉ có bị đơn đứng vay, không liên quan đến chị N nên ông Ú xác định không yêu cầu gì đối với chị N trong vụ án này.

- Nguyên đơn bà Đặng Ngọc H thống nhất phần trình bày của ông Ú, bà không bổ sung gì thêm.

- Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận mượn tiền có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại

khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Phan Thị T, ông Nguyễn Hữu T1, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Ú1, bà Đặng Ngọc H yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T trả cho ông Ú1, bà H số tiền vay là 362.600.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận vay tiền ngày 25/3/2020 có chữ ký tên của Nguyễn Hữu T1 và Phan Thị T và Biên bản tiếp xúc ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã P có nội dung ông T1 thừa nhận còn nợ ông Ú1 số tiền 362.600.000đồng. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trên là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Ú1, bà H và ông T1, bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 400.000.000đồng; ông T1, bà T đã trả 37.400.000đồng còn nợ lại 362.600.000đồng đã được ông Ú1 chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 25/3/2020 có chữ ký của ông T1, bà T và Biên bản tiếp xúc ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã P có nội dung ông T1 thừa nhận còn nợ ông Ú1 số tiền 362.600.000đồng, có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu T1. Tờ biên nhận, Biên bản tiếp xúc này do ông Ú1 giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của ông Út.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông T1, bà T. Tuy nhiên, ông T1, bà T vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặc khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận*

hoặc pháp luật có quy định"; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn……*".

Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa ông Ú1, bà H yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T liên đới trả cho ông Ú1, bà H số tiền lãi theo mức 1,5%/tháng, tính từ ngày bên bị đơn vi phạm trả tiền là ngày 20/11/2021 đến 09/8/2022, tính tròn 8 tháng, với số tiền: 362.600.000 x 8 x 1,5% = 43.512.000 đồng. Xét hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất, bị đơn vi phạm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất trên là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**** Tuyên xử***:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tuấn Ú, bà Đặng Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ú, bà H số tiền vốn vay là 362.600.000đồng, tiền lãi là 43.512.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 406.112.000đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu, một trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.305.600 đồng, ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T phải chịu.

+ Ông Trần Tuấn Ú, bà Đặng Ngọc H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.050.000đồng (Chín triệu, không trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai số 0007314 ngày 24/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Phong